

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÒN ĐẤT  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 25/8/2022

Về việc: “Xin ly hôn và nuôi con chung”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Cao Quốc Chiến**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Nguyễn Văn Đoạt**

Bà **Đinh Thị Phương Lan**

*Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Ngọc Diệp** - Thư ký TAND huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn đất tham phiên tòa:* Bà **Trần Phương Thúy** – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 216/2022/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 về việc: “*Xin ly hôn và nuôi con chung*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2022/QĐST - HNGĐ, ngày 14 tháng 7 năm 2022 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 05/2022/TB-TA ngày 02/8/2022 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị **Lê Mỹ H**, sinh năm 2000 (Có mặt).

HKTT: ấp H, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

**Bị đơn:** Anh **Nguyễn Thanh H**, sinh năm 1996 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

**Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:** Bà **Lê Thị Phương**, sinh năm 1976 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*\* Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Lê Mỹ H trình bày như sau:*

- Về hôn nhân: Chị Lê Mỹ H và anh Nguyễn Thanh H tự tìm hiểu yêu thương nhau được hai bên gia đình tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy ngày 25/7/2018. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng rất H phúc. Nhưng thời gian sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do không có tiếng nói chung và anh H thường xuyên đánh chị H vô cớ. Nay chị H yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thanh H.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh H có 01 người con chung tên Nguyễn Linh T, sinh năm 2019, hiện đang ở cùng chị H. Ly hôn chị H yêu cầu được nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị H và anh H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Tại bản tự khai ngày 30/6/2022 anh Nguyễn Thanh H trình bày như sau:

Anh H và chị H tự tìm hiểu yêu thương nhau, được gia đình hai bên tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy ngày 25/7/2018 là đúng. Nay chị H yêu cầu được ly hôn với anh H thì anh cũng đồng ý.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh H có 01 người con chung tên Nguyễn Linh T, sinh năm 2019, hiện đang ở cùng chị H. Anh H yêu cầu được nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có 09 chỉ vàng cưới. Anh H và chị H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không cho ai vay nợ và cũng không có nợ ai, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

\* Theo biên bản ghi lời khai ngày 14/7/2022 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị P trình bày như sau:

Bà P là mẹ ruột của chị H, hiện nay chị H đang ở với bà tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre. Theo bà được biết mâu thuẫn giữa chị H và anh H là do anh H không quan tâm đến vợ con, còn đánh H nhiều lần. Từ lúc cháu T được 32 tháng tuổi là H và H ly thân đến nay H cũng không hỏi han quan tâm gì. H có xuống thăm con được một lần và xin rước cháu T về nhà H một tuần thì bà và H xuống rước về khi rước về thì cháu T bệnh cả tháng mới hết. Từ đó đến nay H cũng không xuống thăm nom gì. Từ bé đến nay cháu T đều do H chăm sóc nuôi dưỡng còn H thì suốt ngày chơi điện thoại không có giúp H trông nom con. Ốm đau bệnh tật thì cũng do H chăm sóc chứ H cũng không giúp được gì. Hiện nay, H đi làm có gửi con cho bà trông coi giúp. Nay H và H

ly hôn thì bà không có ý kiến gì nếu Tòa án giải quyết giao cháu T cho ai thì bà giao cho người đó. Vì hiện nay bà chỉ trông coi cháu T giúp cho H để H đi làm.

*\* Ý kiến phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Về hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Lê Thị H và anh Nguyễn Thanh H; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Linh T, sinh năm 2019 cho chị H nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: không có, nên không yêu cầu giải quyết; Về án phí: chị Lê Thị H nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định vụ án này như sau:*

[1] Về thẩm quyền: Theo nội dung đơn xin ly hôn của chị Lê Mỹ H thì đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp H, xã M, huyện H nên quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Lê Mỹ H và anh Nguyễn Thanh H là vợ chồng hợp pháp do đã được UBND xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy ngày 25/7/2018. Quá trình chung sống giữa chị H và anh H phát sinh mâu thuẫn do không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống. Nay chị Lê Mỹ H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt được mục đích, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thanh H. Tại bản tự khai ngày 30/6/2022 anh H cũng đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị H nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự.

[3] Về con chung: Chị Lê Mỹ H và anh Nguyễn Minh H có 01 người con chung tên Nguyễn Linh T, sinh ngày 11/5/2019. Ly hôn chị H và anh H đều yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu xin nuôi con của chị H và anh H: Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao con cho ai nuôi dưỡng thì phải xem xét toàn diện mọi mặt về vật chất cũng như tinh thần đối với sự phát triển của con chung sau này. Do đó, việc giao cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T là hoàn toàn phù hợp. Bởi vì hiện nay cháu T đang do chị H nuôi dưỡng kể từ khi anh chị sống ly thân với nhau cho đến nay. Đồng thời, từ bé đến nay cháu T đều do chị H chăm sóc nuôi dưỡng, ngoài ra trong thời gian sống ly thân thì anh H cũng không hỏi han quan tâm đến cháu T. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H giao cháu Nguyễn Linh T cho chị Lê Mỹ H tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: Do chị Lê Mỹ H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] Về tài sản chung: Các bên đương sự thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5] Về nợ chung: Các đương sự thống nhất không có nợ chung không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Lê Mỹ H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

***Vì các lẽ trên;***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 51; 55; 58; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

### **\* Tuyên Xử:**

1/. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Mỹ H và anh Nguyễn Thanh H.

2/. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Linh T, sinh năm 2019 cho chị Lê Mỹ H tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Nguyễn Thanh H có quyền được thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản theo quy định của pháp luật.

Bảo lưu quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con chung khi một trong các bên có yêu cầu.

3/. Về tài sản chung: Các đương sự thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên miễn xét.

4/. Về nợ chung: Các đương sự đều trình bày không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên miễn xét.

5/. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Lê Mỹ H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007907 ngày 20/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Theo đó chị Lê Mỹ H không phải nộp thêm.

6/. Quyền kháng cáo: Báo cho chị Lê Mỹ H, anh Nguyễn Thanh H và bà Lê Thị P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TA tỉnh Kiên Giang;
- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ/.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Cao Quốc Chiến**